

## CÁC HOẠT ĐỘNG NHẪM THU HÚT CÔNG CHÚNG ĐẾN VÀ QUAY TRỞ LẠI BẢO TÀNG

NGUYỄN DUY THIỆU\*

**D**ân gian thường nói, những bảo tàng vắng khách tham quan là “bảo tàng chết”. Nhưng muốn thu hút được công chúng đến với bảo tàng thì phải làm cho công chúng yêu thích bảo tàng. Đáng tiếc để làm được điều này không phải là vấn đề đơn giản. Cần phải đổi mới cả quan niệm lẫn cách thức làm bảo tàng; cần phải có được những bộ sưu tập hiện vật đẹp và có ý nghĩa; tổ chức trưng bày một cách khoa học, tinh tế, với sự hỗ trợ của các phương tiện công nghệ - kỹ thuật hiện đại; cần tổ chức hoạt động giáo dục theo phương thức tạo cơ hội để công chúng trải nghiệm cùng các trưng bày; cần có chiến lược truyền thông thông minh; cần phải có “thái độ chuyên nghiệp” trong ứng xử với công chúng... Có rất nhiều thứ cần, nhưng thứ cần thiết được đề cập trong bài viết này là: phải thường xuyên tổ chức các cuộc trưng bày chuyên đề và trình diễn văn hóa tại bảo tàng.

### 1. Thường xuyên tổ chức trưng bày chuyên đề

Cho dù các bộ sưu tập của trưng bày thường xuyên tại bảo tàng đẹp, được tổ chức trưng bày khoa học, được chăm sóc tốt và luôn được thay thế, bổ sung, thì số lượng khách quay trở lại để tham quan chúng cũng không nhiều. Nhu cầu của công chúng đến và quay lại bảo tàng là để được xem cái mới, vì vậy nếu bảo tàng nào muốn “kéo” khách trở lại bảo tàng mình thì phải có các chiến lược cụ thể để thỏa mãn nhu cầu này. Bảo tàng Văn minh châu Á của Singapore, một trong những bảo tàng hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á, trong 11 năm từ khi mở cửa (1997) đã tổ chức 61 trưng bày chuyên đề (Kenson Kwok, 2008: 97). Nghĩa là

bình quân mỗi năm, bảo tàng này tổ chức khoảng 6 cuộc trưng bày chuyên đề - một con số thật ấn tượng về những nỗ lực của họ.

Hẳn là, những người làm bảo tàng sẽ tự vấn: họ lấy đâu ra tiền để tổ chức nhiều cuộc trưng bày chuyên đề thế? Nhưng, chúng ta đặt giả thiết một bảo tàng nào đó ở Việt Nam có được một nguồn ngân quỹ dồi dào, liệu họ có thể làm được việc tương tự hay không? Trong bối cảnh hiện tại có thể trả lời ngay: không thể. Tổ chức được một cuộc trưng bày cho dù chỉ là trưng bày chuyên đề đã là một công việc nặng nhọc, chưa nói là các cuộc trưng bày đó phải hấp dẫn được công chúng là cả một nhiệm vụ hết sức nặng nhọc. Với một “đội quân” làm bảo tàng tương đối có kinh nghiệm, đặc biệt là nhóm “nghiên cứu, sưu tầm” được tuyển dụng từ các trường được đào tạo tương đối bài bản và được tái đào tạo thông qua công việc, vậy mà dù đã gồng mình lên thì mỗi năm Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam cũng chỉ tổ chức được từ 1 đến 2 cuộc trưng bày chuyên đề. Để các cuộc trưng bày chuyên đề hấp dẫn, đủ lực hút lôi kéo công chúng trở lại bảo tàng nhiều lần là vấn đề không hề đơn giản. Công chúng chỉ đến bảo tàng để xem các trưng bày mà họ thích. Ngoài các trưng bày có các bộ sưu tập hiện vật đẹp, giàu tính văn hóa, được tổ chức trưng bày khoa học, tinh tế... thì chủ đề của các cuộc trưng bày phải trực tiếp đề cập tới các vấn đề đương đại - những vấn đề mà công chúng đang trực tiếp phải đối mặt trong đời sống thường nhật thì mới mong tạo nên lực hút mạnh mẽ đối với họ.

Từ ngày mở cửa đón công chúng đến nay, ngoài trưng bày thường xuyên với các bộ sưu tập dân tộc học đẹp, đa dạng, được tổ chức trưng bày

\* Phó Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học

khoa học, hiện đại, thường xuyên được bổ sung, chăm sóc tốt, để thu hút công chúng, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã nỗ lực thực hiện rất nhiều cuộc trưng bày chuyên đề. Có thể kể ra một số cuộc trưng bày quy mô lớn, như: “Cuộc sống Hà Nội thời bao cấp”; Sống trong bí tích: văn hóa Công giáo đương đại Việt Nam (2008); Sinh nở: hành vi văn hóa và hiện vật (2008); Chúng tôi ăn rừng... Georges Codominas ở Sar Luk (2007); Đường 9: cơ hội và thách thức (2009); Nỗi đau và hy vọng: 20 năm HIV-AIDS ở Việt Nam (2010); Trở thành đàn ông (2012); Ánh nhìn chéo: truyền thống lễ hội Val-de-Marne/Yên Bái (2012)... Chủ đề của các cuộc trưng bày đều đề cập tới các vấn đề đương đại hấp dẫn, tạo nên những lực hút mạnh mẽ, lôi kéo công chúng đến hoặc quay trở lại bảo tàng để xem “cái mới”.

Xin nêu một ví dụ về trưng bày chuyên đề “Cuộc sống Hà Nội thời bao cấp” (2006 - 2007). Những hiện vật bình dị trong cuộc trưng bày này đã gợi lại cuộc sống cực kỳ gian khó của người Hà Nội. Một cuộc sống mà mọi nhu yếu phẩm tối thiểu để con người tồn tại như lương thực, thực phẩm, dầu hỏa (để đun bếp và thắp sáng)... đều được nhà nước “bao cấp”. Số lượng được bao khác nhau cho các lực lượng lao động theo từng lứa tuổi khác nhau... - được định tiêu chuẩn phát theo tem phiếu. Người được bao cấp dùng tem phiếu để mua hàng. Mà kể cả đã có tem phiếu nhưng do nhà nước không có đủ hàng để bán cùng lúc cho mọi người, thế là mọi người phải tranh nhau xếp hàng để mua. Nhiều trường hợp, người ta phải dậy từ hai, ba giờ sáng để xếp hàng mua gạo, mua dầu, lấy nước... Vô số lần xếp hàng đến lượt thì lại hết hàng để bán. Thế là đành phải đợi tới lúc có hàng để xếp hàng lại từ đầu. Nhưng chẳng ai biết lúc nào thì có hàng về, thế là người ta lại đoán mò để xếp hàng... Nhưng cuộc sống đâu chỉ có việc xếp hàng, nhiều người vừa xếp hàng vừa tranh thủ các công việc khác, trong các trường hợp như thế, người ta phải “gửi chỗ” cho người liền kề, khi chẳng có ai để mà gửi thì họ sử dụng các đồ vật như mê nón, hòn gạch... để đánh dấu chỗ của mình. Có thể nói, đại bộ phận người Hà Nội, những ai đã từng sống dưới thời bao cấp, bất kể là già trẻ gái trai đều đã tham gia “văn hóa xếp hàng”. Mà cuộc sống đâu chỉ có xếp hàng, mọi người còn phải lo sản xuất ra của cải vật chất (trên đồng ruộng và trong các công xưởng) và chiến đấu

(chống lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ ở miền Bắc và dồn sức người, sức của cho cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước). Dưới vô vàn áp lực từ cuộc chiến tranh khốc liệt từ sự thiếu thốn đến cùng cực về cơ sở vật chất để sinh tồn, cuộc sống người Hà Nội vẫn diễn ra bình thường: người ta vẫn lấy vợ lấy chồng, sinh con đẻ cái, trường học, bệnh viện dù thiếu thốn vẫn cứ vận hành, các nhu cầu về sinh hoạt xã hội, thưởng thức văn hóa, văn nghệ... trong bối cảnh xã hội “bất bình thường” vẫn cứ diễn ra.

Rồi cuộc kháng chiến trường kỳ cũng kết thúc, những thành tựu từ công cuộc đổi mới bước đầu đã đưa lại cho người Hà Nội một cuộc sống sung túc hơn. Khi mà của cải vật chất trong xã hội đã dồi dào, không còn ai phải xếp hàng để mua các nhu yếu phẩm nữa, người ta mua theo nhu cầu mình cần và số tiền mình có, chứ không còn bị hạn chế theo các định mức tem phiếu như thời chiến. Mọi nhu cầu khác của cuộc sống chưa nói là đã được thỏa mãn hoàn toàn, nhưng so với thời bao cấp thì có thể đã nói được là “một trời một vực”. Nói như thế không có nghĩa cuộc sống mới đã là thiên đường, một khi nhu cầu về vật chất đã được đáp ứng tương đối đầy đủ thì mọi khía cạnh khác trong đời sống xã hội của con người: các chuẩn mực xã hội, giá trị đạo đức, mối quan hệ giữa bố mẹ với con cái, giữa cháu chắt với ông bà, giữa thầy và trò, giữa thầy thuốc và bệnh nhân, giữa những người thực thi công vụ với công dân... lại không còn được trong sáng như trước đây. Người ta không hiểu nổi tại sao trong khó khăn gian khổ mọi người lại đồng cam cộng khổ, vừa phải tìm cách tồn tại vừa nỗ lực để xây dựng đất nước và cùng nhau đánh bại cuộc xâm lược của đế quốc Mỹ, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước..., còn giờ đây trong xã hội sung túc thì một bộ phận lại rơi vào tình trạng: cá nhân, ích kỷ, thậm chí là thoái hóa, biến chất...

Trong tâm trạng ấy, họ rủ nhau đến Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam xem trưng bày “Cuộc sống Hà Nội thời bao cấp”. Người ta đến xem trưng bày để có bối cảnh mà hoài niệm lại lối sống, sinh hoạt của một thời mà chính họ đã từng trải nghiệm. Người ta tới xem để chiêm nghiệm và thảo luận cùng nhau về sự bất bình thường và bình thường của cuộc sống người Hà Nội thời bao cấp. Người ta đến xem trưng bày theo từng nhóm của những

người có cùng hoàn cảnh, đặc biệt người ta đi xem theo các nhóm gia đình: ông bà, cha mẹ, con, cháu. Thật là cảm động, khi trong bối cảnh của trưng bày, ông bà, cha mẹ say sưa giới thiệu, giải thích cho con, cháu về điều kiện, về lối sống, về các mối quan hệ gia đình, các chuẩn mực ứng xử trong xã hội... ở thời bao cấp. Thông qua đó, các bậc ông bà, cha mẹ khuyên răn lớp con cháu về xây dựng nhân cách sống: có được cuộc sống no đủ hôm nay phải hiểu biết về cuộc sống gian khó của lớp cha ông ngày hôm qua, phải biết thích ứng trong mọi hoàn cảnh; trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải biết sống cho lương thiện; cuộc sống không chỉ là sự tồn tại của các cá nhân, mà là một mối tổng hòa các quan hệ xã hội, phải biết ứng xử nhân văn trong các mối quan hệ: cha mẹ, ông bà/con, cháu; vợ/chồng; thầy/trò; bác sĩ/bệnh nhân; các công chức/công dân, hàng xóm, láng giềng; bạn bè đồng nghiệp...

Nói chung là người ta tới xem để hoài niệm về cuộc sống của một thời đã qua, để thảo luận về chúng, với mong muốn chọn lọc, kế thừa những điểm sáng, những nét ứng xử nhân văn của thời quá khứ để hướng tới một cuộc sống có ý nghĩa hơn trong hiện tại và tương lai. Về phương diện bảo tàng học, qua sự đón nhận của công chúng đối với cuộc trưng bày này, có thể thấy được hiệu quả xã hội của nó là rất lớn lao. Và thật là cảm động, cho tới ngày hôm nay (2013), khi mà cuộc trưng bày đã được tháo gỡ để giành không gian cho các cuộc trưng bày khác đã từ nhiều năm, nhưng nhiều người vẫn tìm đến Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam với niềm tưởng rằng, vẫn có cơ hội để mà hoài niệm.

Như đã đề cập ở trên, ngoài "Cuộc sống Hà Nội thời bao cấp", Bảo tàng Dân tộc học còn thường xuyên tổ chức các cuộc trưng bày chuyên đề khác nhau, thông qua đó, thường xuyên tạo ra "cái mới" ở bảo tàng, vì thế mà bảo tàng đã tạo nên lực hút mạnh mẽ đối với công chúng.

## 2. Thường xuyên tổ chức trình diễn tại bảo tàng

Cho dù những người tổ chức trưng bày cố gắng tận dụng sự hỗ trợ của các phương tiện công nghệ để sử dụng các chất liệu như âm thanh, hình ảnh (tĩnh và động) minh họa làm cho các hiện vật trong trưng bày "sống", thì các hiện vật cũng chỉ là các hiện vật được sắp xếp trong các không gian phòng trưng bày, chứ chúng không sống thực trong đời sống của các chủ nhân tạo tác ra chúng.

Hơn thế, chính các chủ nhân chế tạo ra chúng mới là người nắm giữ ý tưởng, kỹ thuật chế tác và các ý nghĩa khi sử dụng chúng... Có thể là vì vậy mà các nhà nghiên cứu văn hóa thường nói một cách ví von: chính các chủ thể văn hóa là kho báu chứa đựng các giá trị văn hóa phi vật thể vô giá, đôi khi giá trị của chúng còn có ý nghĩa hơn các vật thể văn hóa đã có trong bảo tàng. Và, nếu như biết khai thác các kho báu này bằng cách tổ chức cho họ trình diễn cả về kỹ thuật và lễ nghi liên quan đến các bộ sưu tập đang trưng bày trong bảo tàng, thì khách tham quan có được cơ hội để tìm hiểu và có thể cả trải nghiệm cùng tính đích thực của văn hóa. Bởi ý nghĩa như vừa trình bày mà việc tổ chức trình diễn thường có một sức cuốn hút du khách đến bảo tàng. Hơn thế, việc tổ chức cho các chủ nhân văn hóa về bảo tàng trình diễn cũng mang ý nghĩa bảo tàng, tạo cơ hội và bối cảnh để các chủ thể văn hóa tự giới thiệu văn hóa của họ bằng chính giọng nói của họ, điều đó có ý nghĩa hết sức lớn lao cho công cuộc phát huy và bảo tồn di sản văn hóa.

Nhận thức được vấn đề như vừa trình bày trên đây, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam luôn coi trình diễn là những chương trình công tác quan trọng và thường xuyên tổ chức trình diễn định kỳ hoặc là bất định kỳ.

Xin bắt đầu từ "Rối nước". Trình diễn rối là một loại hình nghệ thuật dân gian đã từng tồn tại lâu đời ở Đông Nam Á và một số khu vực khác, nhưng rối nước thì chỉ thấy ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ của Việt Nam. Vốn là cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, cuộc sống gắn bó với môi trường nước. Trong truyền thống, ở mỗi làng quê của người Việt thường có một ngôi đình. Đình vừa là nơi để thờ Thành hoàng (vị thần bảo hộ cho cộng đồng) làng, vừa là ngôi nhà công để sinh hoạt chung cho dân làng. Trong không gian chung của làng có "cây đa, bến nước, sân đình", ở ao nước trước mặt đình, thường dựng một ngôi thủy đình - như là sân khấu để trình diễn rối nước. Trong các kỳ lễ hội của làng, thì rối nước được trình diễn ở đây. Cho tới ngày nay, khi Việt Nam bước vào con đường phát triển, quá trình hiện đại hóa đã làm thay đổi bộ mặt của các làng quê, cũng như nhiều loại hình nghệ thuật dân gian khác, rối nước đang đối diện với nguy cơ bị mai một. Hiện tại ở Bắc Bộ chỉ còn 16 phường rối nước dân gian, nhưng trong thời đại bị các loại hình nghệ thuật hiện đại



Trình diễn rối nước tại Bảo tàng Dân tộc học - Ảnh: Tác giả

lấn át, họ có rất ít cơ hội để được trình diễn như trước đây.

Trong bối cảnh như vừa đề cập, để bảo tồn loại hình nghệ thuật dân gian độc đáo này, Bảo tàng Dân tộc học đã vào cuộc. Tại sân trước của ngôi nhà người Việt, trong khuôn viên của bảo tàng, một ngôi thủy đình (sân khấu rối nước) được tạo dựng. Với sự hỗ trợ bước đầu của tổ chức UNESCO Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học đã tổ chức cho các phường rối luân phiên nhau về bảo tàng trình diễn phục vụ cho công chúng. Cách thức hợp tác này đưa lại hiệu quả tích cực cho nhiều bên. Đối với các phường rối, họ có địa điểm, có công chúng... để họ trình diễn loại hình văn hóa mà họ yêu thích, có thu nhập dù không lớn nhưng tạm đủ để giúp cho họ có thể duy trì bộ môn rối nước; đối với công chúng yêu thích bộ môn rối nước, khi đến tham quan bảo tàng có cơ hội để thưởng thức loại hình nghệ thuật độc đáo này; đối với bảo tàng, việc trình diễn rối nước sẽ làm cho hoạt động của bảo tàng sinh động hơn và thu hút được công chúng hơn; đối với tầm nhìn rộng hơn của toàn xã hội thì nhờ cách thức hợp tác giữa bảo tàng và cộng đồng như vừa đề cập mà loại hình nghệ thuật dân gian rối nước được bảo tồn, đúng hơn là được duy trì và tiếp tục phát triển.

Từ năm 2010 về trước, rối nước được trình diễn thường xuyên trong Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, nhưng từ năm 2010 tới nay, rối nước chỉ trình diễn 2 ngày thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần. Ngoài ý nghĩa bảo tồn loại hình nghệ thuật dân gian độc đáo này, trình diễn rối nước còn là hoạt động rất hấp dẫn, thu hút du khách tới bảo tàng. Ngoài rối nước, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam còn thường xuyên tổ chức các chương trình trình diễn khác nhau. Có những chương trình mang tính chất định kỳ tương đối, ví như: vui xuân sau tết Nguyên đán, tết Thiếu niên (1/6) và tết Trung thu (15/8 Âm lịch). Ngoài ra, nhân các dịp trưng bày chuyên đề, ngày Quốc tế Bảo tàng, hoặc các khóa huấn luyện nghiệp vụ, hội thảo khoa học..., Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam thường tổ chức các chương trình trình diễn thích ứng.

Có thể nói rằng, ở Hà Nội không chỉ một mình Bảo tàng Dân tộc học, mà còn nhiều tổ chức khác cũng tổ chức vui chơi giải trí trong các công viên tại các khu nhà chuyên dành để triển lãm, tại các khu vực văn hóa công cộng khác. Đương nhiên, do mục đích của các nhà tổ chức khác nhau nên cách thức tổ chức cũng khác nhau. Nếu như khi tổ chức các chương trình vui chơi giải trí trong các dịp như trên đây, các nhà tổ chức ngoài Bảo tàng Dân tộc

học hướng tới mục đích du lịch thương mại thì Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam hướng tới đa mục tiêu: vừa tổ chức các chương trình vui chơi giải trí nhằm phục vụ cho công chúng trong các dịp lễ hội quan trọng, đồng thời thông qua đó để lồng ghép các “hoạt động giáo dục” nhằm duy trì, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người. Bởi thế mà nội dung của các cuộc trình diễn tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đều do thợ thủ công, nghệ nhân tại các cộng đồng - nói chung là các chủ thể văn hóa thực hiện. Nói chung, nội dung các trình diễn trong Bảo tàng Dân tộc học là “văn hóa đích thực”, bảo tàng chỉ hỗ trợ để các chủ thể văn hóa tự giới thiệu văn hóa của họ mà không đạo diễn, không làm thay, không đóng thế.

Có những cuộc trình diễn chuyên đề, ví dụ về nghề đan, nghề rèn, nghề gốm, nghề đúc đồng, về dệt nhuộm..., nhằm mục đích giúp cho công chúng hiểu biết sâu sắc hơn về các hiện vật đang trưng bày trong bảo tàng. Các trình diễn khác lại thường hướng tới mục đích bảo tồn trò chơi, đồ chơi dân gian truyền thống và khuyến khích thế hệ trẻ sáng tạo. Ở nội dung thứ 2, các thợ thủ công, nghệ nhân dân gian sẽ trình diễn, giới thiệu kỹ thuật tạo tác ra các loại đồ chơi dân gian, hướng dẫn cho công chúng, nhất là công chúng trẻ tham gia trải nghiệm, bắt chước các nghệ nhân dân gian để tạo ra sản phẩm và tổ chức cho họ chơi bằng chính sản phẩm mà họ vừa tạo ra. Cách thức hoạt động như vừa mô tả không chỉ có ý nghĩa hết sức to lớn cho mục đích bảo tồn văn hóa dân gian truyền thống mà còn có sức cuốn hút hết sức mạnh mẽ các thế hệ trẻ đến với bảo tàng. Đến để được tham quan, học tập và trải nghiệm văn hóa...

### 3. Thay cho lời kết

Như đã nói trong phần mở đầu, có vô vàn cách để thu hút công chúng đến hoặc quay trở lại với bảo tàng. Trong đó, việc tổ chức trưng bày chuyên đề và trình diễn trải nghiệm là hai loại hoạt động quan trọng. Trong nhiều năm qua, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã tổ chức tốt hai loại hình hoạt động này, nhờ vậy mà mỗi năm thu hút được khoảng nửa triệu lượt khách.

Vấn đề là làm thế nào để liên tục tổ chức được các hoạt động như đã đề cập? Thời gian cần thiết để thực hiện một cuộc trưng bày chuyên đề quy mô lớn tối thiểu phải là 2 năm; cho các trưng bày chuyên đề quy mô trung bình cần tối thiểu 1 năm; cho các cuộc trưng bày quy mô nhỏ hoặc các

chương trình trình diễn cần thời gian tối thiểu là 6 tháng... Không chỉ là thời gian mà còn là vấn đề tiền bạc, các bảo tàng lấy đâu ra nguồn kinh phí để thực hiện các chương trình khá là tốn kém ấy.

Nhưng thách thức lớn nhất vẫn là vấn đề con người. Giả sử như một số bảo tàng nào đó có thể thu xếp được vấn đề thời gian và kinh phí nhưng họ không có một đội ngũ cán bộ, viên chức làm bảo tàng chuyên nghiệp, am hiểu các kiến thức và có kinh nghiệm của bảo tàng học hiện đại... thì họ vẫn không thể thực hiện được các hoạt động như vừa trình bày ở trên đây.

Quả thực, vấn đề làm thế nào để thu hút công chúng đến và nhiều lần quay trở lại bảo tàng, trong bối cảnh xã hội hiện tại ở Việt Nam là một vấn đề hết sức khó khăn. Nhưng khó không có nghĩa là không làm được. Muốn làm được thì trước tiên những người làm công tác bảo tồn, bảo tàng, kể cả hệ thống các cơ quan quản lý liên quan cần phải có kiến thức, cần phải hiểu được bản chất của vấn đề..., để cùng nhau từng bước giải quyết từng vấn đề. Nhu cầu của người dân đến bảo tàng để tham quan, vui chơi giải trí và trải nghiệm văn hóa là rất lớn..., còn việc làm thế nào để đưa họ đến bảo tàng là vấn đề của những người làm chuyên môn và những người làm công tác quản lý các hoạt động văn hóa./.

N.D.T

#### Tài liệu tham khảo:

- 1- Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (2006), *Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam 10 năm xây dựng và phát triển (1995 - 2005)*, Hà Nội.
- 2- Nguyễn Văn Huy, “Những tiếp cận nhân học đô thị trong trưng bày tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam” - Bài trình bày tại *Hội thảo quốc tế “Bảo tàng và Nhân học đô thị - Gặp gỡ các giám đốc bảo tàng và các nhà nhân học Đông Nam Á”*. Hà Nội, 17 - 20/11/2008.
- 3- Xie Mohua (Chủ biên) (2006), *Gặp mặt các giám đốc bảo tàng châu Á và các nhà dân tộc học lần 2*, Nxb. Giáo dục Văn Nam, Côn Minh, Trung Quốc.
- 4- Kenson Kwok, “Sự cần thiết và rủi ro của những trưng bày chuyên đề” - Bài trình bày tại *Hội thảo quốc tế “Bảo tàng và Nhân học đô thị - Gặp gỡ các giám đốc bảo tàng và các nhà nhân học Đông Nam Á”*. Hà Nội, 17 - 20/11/2008.
- 5- Nguyễn Duy Thiệu (2009), *Working together with Communities to maintain, introduce and preserve Cultural Diversity: Experiences of the Vietnam Museum of Ethnology (VME)*. In the ASEAN Museum Director’s Symposium on Museum - Community Partnerships - The Role of Asean Museum in the 21st Century. Singapore.
- 6- Nguyễn Duy Thiệu (2011), “Giới thiệu và bảo tồn sự đa dạng văn hóa tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam: phương pháp làm việc cùng cộng đồng”. Trong tập *“Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, tập VII. Nxb. KHXH, Hà Nội.